TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ HỆ KHÔNG TẬP TRUNG K8, TẠI HUYỆN EA SÚP, KHÓA HỌC 2023-2025 DỰ THI KẾT THÚC PHẦN HỌC

Thi phần A.V: Nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học và phần A.VI: Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

Ngày thi: 22/9/2024; Thời gian làm bài: 180 phút;

Địa điểm thi: Trung tâm Chính trị huyện Ea Súp

SBD	Họ Và	Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Trần Văn	An	14/02/1986	02		53	7,5	Bảy, năm
02	Nguyễn Thị Thế	Anh	24/10/1990	03		21	7,75	Bảy, bảy năm
03	Y Thanh	Ayun	13/01/1984	02		63	7,5	Bảy, năm
04	Hà Huy	Bình	20/10/1988	02		60	7,5	Bảy, năm
05	Đặng Minh	Châu	02/9/1981	02		9	7,25	Bảy, hai năm
06	Bùi Đình	Chiến	20/8/1987	02		56	7,5	Bảy, năm
07	Nguyễn Xuân	Chung	19/01/1986	03		28	7,75	Bảy, bảy năm
08	Trần Quang	Chung	19/6/1983	02		43	8,5	Tám, năm
09	Lê Văn	Công	08/12/1981	03		14	7,75	Bảy, bảy năm
10	Trần Dương	Công	08/5/1988	03		13	7,75	Bảy, bảy năm
11	Lê Công	Dân	15/7/1985	02		30	7,5	Bảy, năm
12	Đàm Văn	Danh	10/7/1987	02		31	7,5	Bảy, năm
13	Nguyễn Thị	Đào	01/11/1983	02		29	7,5	Bảy, năm
14	Nguyễn Hữu	Độ	08/02/1982	03		67	7,75	Bảy, bảy năm
15	Đặng Thị Thùy Linh	Dung	19/12/1982	03		66	7,75	Bảy, bảy năm
16	Lê Thị	Dung	06/5/1986	02		44	7,5	Bảy, năm
17	Đinh Xuân	Hải	27/8/1987	02		45	7,5	Bảy, năm
18	Dương Đình	Hải	19/9/1986	02		7	7,25	Bảy, hai năm

SBD	Họ Và	Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
19	Hà Thị Thu	Hằng	22/11/1988	02		61	7,75	Bảy, bảy năm
20	Nguyễn Thị Nhung	Hằng	31/8/1986	02		64	7,75	Bảy, bảy năm
21	Trần Văn	Hạnh	17/8/1987	03		1	7,75	Bảy, bảy năm
22	Lê Văn	Hào	25/02/1986	02		65	7,5	Bảy, năm
23	Nguyễn Thị	Hảo	10/10/1978	02		38	7,5	Bảy, năm
24	Hoàng Thị	Hiệp	19/02/1985	03		4	7,75	Bảy, bảy năm
25	Trịnh Thị	Hợi	26/4/1984	03		17	7,25	Bảy, hai năm
26	Nguyễn Đình	Hùng	08/11/1974	02		34	8,5	Tám, năm
27	Nguyễn Thị Thanh	Hương	24/10/1987	03		25	7,5	Bảy, năm
28	Hà Thị Hồng	Hưởng	09/9/1989	03		69	7,5	Bảy, năm
29	Nguyễn Trí	Huyên	26/10/1989	03		23	7,5	Bảy, năm
30	Phạm Thị	Huyền	23/6/1990	02		42	7,5	Bảy, năm
31	H' Uyên Niê	Kdăm	16/02/1972	02		36	7,5	Bảy, năm
32	Nguyễn Thị	Khoa	11/4/1985	02		54	7,75	Bảy, bảy năm
33	Dương Văn	Khởi	11/3/1981	02		49	7,5	Bảy, năm
34	Dương Thị	Lâm	12/5/1984	02		58	7,5	Bảy, năm
35	Lê Phong	Lan	02/6/1984	03		5	7,5	Bảy, năm
36	Hồ Thị	Linh	10/4/1987	02		46	7,0	Bảy
37	Nguyễn Văn	Linh	16/11/1987	03		20	7,5	Bảy, năm
38	Phạm Thị Thùy	Linh	05/01/1987	03		3	7,75	Bảy, bảy năm
39	Phạm Bích	Loan	06/9/1988	03		6	7,5	Bảy, năm
40	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	10/11/1991	02		59	7,5	Bảy, năm
41	Ma Thị	Năm	14/3/1981	03		68	7,75	Bảy, bảy năm
42	Biện Thị	Nga	20/12/1987	02		57	7,75	Bảy, bảy năm

SBD	Họ Và	Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
43	Nguyễn Thị	Nga	16/10/1985	03		15	7,75	Bảy, bảy năm
44	Lê Thị	Ngân	20/3/1981	02		41	7,75	Bảy, bảy năm
45	Doãn Thị	Nhàn	04/02/1980	02		62	7,5	Bảy, năm
46	Lang Thị	Nhân	06/01/1990	03		27	7,5	Bảy, năm
47	Đinh Thị	Như	01/4/1988	03		74	8,0	Tám
48	Cao Thị Tuyết	Nhung	16/12/1990	03		16	7,5	Bảy, năm
49	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	15/9/1990	03		22	8,0	Tám
50	Trần Hoài	Phong	20/5/1980	03		18	7,5	Bảy, năm
51	Mai Bảo	Phương	11/9/1983	13		30	7,75	Bảy, bảy năm
52	Nguyễn Thị	Phương	01/11/1989	03		72	8,0	Tám
53	Hoàng Anh	Quân	28/9/1987	04		10	8,5	Tám, năm
54	Hoàng Tiến	Quân	27/01/1987	03		24	7,75	Bảy, bảy năm
55	Hồ	Quang	19/9/1989	02		47	7,25	Bảy, hai năm
56	Hoàng Thế	Quang	10/06/1988	02		48	7,75	Bảy, bảy năm
57	Nguyễn Thị	Quyên	23/5/1989	03		71	8,0	Tám
58	Đinh Thanh	Sơn	27/7/1988	02		40	7,25	Bảy, hai năm
59	Hoàng Đình	Sơn	06/10/1970	02		32	8,0	Tám
60	Ma Thế	Thạch	30/4/1989	03		11	7,75	Bảy, bảy năm
61	Nguyễn Trọng	Thăng	01/01/1984	02		55	7,5	Bảy, năm
62	Lê Minh	Thiện	13/5/1985	02		51	7,5	Bảy, năm
63	Đinh Thị	Thiệp	10/6/1990	02		37	7,5	Bảy, năm
64	Lê Văn	Thịnh	02/10/1987	02		52	7,25	Bảy, hai năm
65	Trần Văn	Thỏa	15/7/1980	02		33	7,5	Bảy, năm
66	Phạm Thị	Thơm	30/9/1982	03		12	7,5	Bảy, năm

SBD	Họ Và	Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
67	Đinh Thị	Thu	17/10/1990	02	Thu	39	7,5	Bảy, năm
68	Mai Thị	Thuấn	03/5/1980	03	Thuấn	26	7,75	Bảy, bảy, năm
69	Lê Thị	Thùy	09/10/1990	03	Thùy	75	8,0	Tám
70	Cao Thị Kim	Tình	06/01/1987	03	[illegible]	73	8,0	Tám
71	Trần Đình	Trình	01/11/1988	03	[illegible]	19	8,0	Tám
72	Trần Thanh	Tùng	10/10/1982	02	[illegible]	8	7,25	Bảy, hai, năm
73	Lê Thị Bạch	Tuyết	22/10/1981	*(Quyết định kỷ luật số 512-QĐ/TCT, ngày 15/8/2024)*				
74	Phan Hồng	Vương	01/4/1987	02	[illegible]	35	7,25	Bảy, hai, năm
75	Trần Văn	Vương	20/3/1984	03	[illegible]	2	7,75	Bảy, bảy, năm
76	Bùi Thọ	Ý	11/10/1987	02	[illegible]	50	7,5	Bảy, năm

Tổng số học viên theo danh sách:.........76.........học viên;

Số học viên đủ điều kiện thi:.........75.........học viên

Số học viên không đủ điều kiện thi:......01......học viên (lý do: QĐ 512...............)

Số học viên vắng thi:..0..học viên; trong đó: có lý do:..0.. học viên; không có lý do:..0..học viên;

Số bài thi hiện có.......75.......bài/.....186.....tờ.

CÁN BỘ COI THI 01

Phạm Văn Dương

CÁN BỘ COI THI 02

Vũ Văn Bảo

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Ngày...21...tháng....10....năm 2024

Phạm Văn Dương

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Ngày...21...tháng....10....năm 2024

Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG KHOA

Đỗ Văn Bình

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH

TS. Lê Duyên Hà

BAN GIÁM HIỆU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM — TRƯỜNG CHÍNH TRỊ — TỈNH ỦY ĐẮK LẮK

Nguyễn Thành Dũng